

Bản án số: 167/2024/HS-ST
Ngày 30-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Dũng;

Ông Nguyễn Văn Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu (*Điểm cầu Trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên và điểm cầu thành phần phòng xét xử trực tuyến Nhà tạm giữ công an thành phố Tân Uyên*) vụ án hình sự thụ lý số 187/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Đức T, sinh năm 1983 tại Thái Bình; nơi cư trú: khu phố 2, phường H, thành phố U, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đức L và bà Bùi Thị Y; có vợ tên Nguyễn Thị D (Đã ly hôn) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/3/2024 cho đến nay (*Tham gia phiên tòa tại điểm cầu phòng xét xử trực tuyến Nhà tạm giữ Công an thành phố U*); có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Đức T: Ông Nguyễn Tuấn S – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV L Chi nhánh Bình Dương thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; địa chỉ: tổ 5, khu phố B, phường Kh, thành phố U, tỉnh Bình Dương (*Tham gia phiên tòa tại điểm cầu phòng xét xử trực tuyến Nhà tạm giữ Công an thành phố U*); có mặt.

- Bị hại: Bà Ngô Kim X, sinh năm 1989; thường trú: ấp R, xã Q, huyện P, tỉnh Cà Mau; tạm trú: tổ 5, khu phố 7, phường G, thành phố U, tỉnh Bình Dương (*Tham gia phiên tòa tại điểm cầu Trung tâm*); có mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Phước K (Tham gia phiên tòa tại điểm cầu Trung tâm); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Đức T kinh doanh điểm dịch vụ bưu điện, chuyển tiền nhanh có thu phí và kinh doanh nhà trọ tên Nguyễn Thị D tại khu phố 1, phường H, thành phố U, tỉnh Bình Dương. Bà Ngô Kim X và ông Nguyễn Phước K sống chung như vợ chồng.

Do có nhu cầu tìm việc làm qua mạng Internet nên ngày 04/02/2024, bà X dùng điện thoại di động truy cập vào trang mạng Facebook quảng cáo việc làm online tại nhà, tải ứng dụng Telegram và làm theo hướng dẫn. Sau đó, có đối tượng tên T2 (không rõ lai lịch) liên hệ cho bà X theo đường dẫn của trang mạng và yêu cầu bà X chuyển tiền ứng trước 400.000 đồng vào số tài khoản 0705441481 mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBANK), chủ tài khoản là Lê Văn Th. Đến khoảng 12 giờ 03 phút cùng ngày, bà X sử dụng tài khoản số 6531155577 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) của bà X chuyển 400.000 đồng cho số tài khoản 0705441481 nêu trên. Khoảng 15 phút sau, bà X nhận lại được số tiền 480.000 đồng nhưng bà X không nhớ số tài khoản người chuyển. Đến ngày 05/02/2024, T2 yêu cầu nâng cấp nhiệm vụ, bà X đồng ý làm theo bằng cách tiếp tục chuyển nạp tiền vào tài khoản để nhận lại số tiền nhiều hơn, do tài khoản không đủ tiền nên bà X đi tìm cửa hàng chuyển tiền nhanh nhờ chuyển tiền cho T2.

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 05/02/2024, bà X đến cửa hàng chuyển tiền nhanh của Phạm Đức T tại khu phố 1, phường H nhờ T chuyển tiền vào số tài khoản 6531155577 mở tại Ngân hàng BIDV do Ngô Kim X đứng tên chủ tài khoản. T dùng tài khoản số 19034698183015 mở tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) của T chuyển tiền cho bà X 03 lần tổng cộng là 41.100.000 đồng.

Ngay sau khi nhận tiền, bà X liền chuyển số tiền 23.000.000 đồng đến số tài khoản 0705441481 chủ tài khoản tên Lê Văn Th và chuyển 18.812.500 đồng đến số tài khoản 3376739587 mở tại Ngân hàng Techcombank, chủ tài khoản tên Trần Hoàng V. Khoảng 20 phút sau khi bà X chuyển tiền xong, đối tượng T2 báo bà X nộp tiền sai nên yêu cầu chuyển thêm tiền, bà X không đồng ý. Sau đó, đối tượng T2 tắt máy. Bà X không liên lạc được với T2 và cũng không nhận lại được số tiền đã chuyển cho T2.

Lúc này, T yêu cầu bà X thanh toán số tiền 41.100.000 đồng, bà X nói số tiền này bà đã chuyển cho người khác nhưng họ chưa chuyển lại nên không có tiền trả cho T. Do đó, T đưa bà X đến Công an phường H trình báo sự việc và được hướng dẫn đây là vụ việc tranh chấp dân sự nên đề nghị hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Sau khi rời khỏi trụ sở Công an phường, T chở bà X về nhà trọ của T và nhốt bà X vào phòng trọ số 03 nhà trọ Nguyễn Thị D rồi dùng ổ khoá màu vàng hiệu VIỆT TIỆP khoá cửa bên ngoài lại, T giữ chìa khoá và yêu cầu bà X liên lạc người thân mang tiền đến trả thì T mới thả bà X. Đến ngày 08/02/2024, do có người đến thuê trọ nên T chuyển bà X đến phòng trọ số 17 và tiếp tục khoá cửa ngoài giam bà X trong phòng. Đến ngày 15/3/2024, bà X bị ngất xỉu nên T đưa bà X đến Trung tâm Y tế thành phố U để điều trị nhưng vẫn canh giữ trong thời gian bà X điều trị. Ngày 20/3/2024, bà X xuất viện, T tiếp tục đưa bà X về giam tại phòng số 17 nhà trọ Nguyễn Thị D. Trong thời gian giam bà X, T vẫn cho bà X sử dụng điện thoại di động, điện, nước tại phòng trọ. Đối với thức ăn và nhu yếu phẩm cần thiết bà X liên hệ với ông Nguyễn Phước K cung cấp theo nhu cầu.

Đến khoảng 18 giờ ngày 21/3/2024, Công an phường H kiểm tra hành chính tại nhà trọ Nguyễn Thị D, khi kiểm tra đến phòng số 17 thì phát hiện bà Ngô Kim X đang bị giam trái pháp luật nên lực lượng Công an phường tiến hành mở khoá cửa rồi đưa bà X ra ngoài và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Phạm Đức T, lập hồ sơ vụ việc ban đầu và chuyển T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố U thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan, gồm: 01 căn cước công dân mang tên Phạm Đức T; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5; 01 ổ khoá màu vàng nhãn hiệu VIỆT-TIỆP đã qua sử dụng; 01 đầu thu camera nhãn hiệu KB VISION.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Ngô Kim X không yêu cầu Phạm Đức T bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

Bản Cáo trạng số 199/CT-VKSTU ngày 03/7/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Phạm Đức T về tội “Giam người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Bình Dương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy 01 ổ khoá màu vàng nhãn hiệu VIỆT-TIỆP đã qua sử dụng; trả lại cho bị cáo 01 đầu thu camera nhãn hiệu KB VISION, căn cước công dân và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F5.

Bị cáo Phạm Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận.

Bị hại thống nhất nội dung cáo trạng truy tố bị cáo, không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày lời bào chữa: Thống nhất tội danh và khung hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên,

đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân bị cáo giam bị hại là do bị hại không nói rõ mình không có tiền mặt khi nhờ bị cáo chuyển tiền cho bị hại, đến khi bị cáo chuyển tiền xong mới biết bị hại không có tiền mặt để trả; bị cáo giam giữ bị hại nhưng không đe dọa còn tạo điều kiện cho người nhà chăm sóc, do vậy không ảnh hưởng đến sức khỏe cũng như tinh thần; công an phường đã không làm tròn trách nhiệm để cho hai bên có thỏa thuận không phù hợp pháp luật. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết tiếp tục cách ly bị cáo khỏi xã hội.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố U, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Đức T tại phiên tòa phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an phường H lập lúc 18 giờ 20 phút ngày 21/3/2024, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như vật chứng thu giữ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Từ ngày 05/02/2024 đến ngày 21/3/2024, tại phòng trọ số 03 và số 17 nhà trọ Nguyễn Thị D thuộc khu phố 1, phường H, thành phố U, tỉnh Bình Dương, Phạm Đức T có hành vi giam người trái pháp luật đối với bà Ngô Kim X thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Giam người trái pháp luật” theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố U truy tố bị cáo với tội danh và khung hình phạt như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của bị hại, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của bị hại một cách trái pháp luật, gây hoang mang trong dư luận và làm mất trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử bị cáo hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện để có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; tội phạm của bị cáo cũng xuất phát từ một phần

lỗi của bị hại. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Phần lớn nội dung trong lời bào chữa của Luật sư là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận, riêng ý kiến cho rằng bị hại không bị ảnh hưởng về sức khỏe và tinh thần là không phù hợp. Bởi vì, mặc dù bị hại tự nguyện cho bị cáo giam tại phòng trọ nhưng việc bị giam từ ngày 05/02/2024 đến ngày 21/3/2024 là khoảng thời gian khá dài, chắc chắn làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần của bị hại. Hội đồng xét xử thấy cần phải tiếp tục cách ly bị cáo để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Ổ khóa bị cáo dùng để khóa cửa không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; đầu thu camera, căn cước công dân và điện thoại di động của bị cáo không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Số tiền 41.100.000 đồng bị cáo đã chuyển vào tài khoản của bị hại và bị hại bị các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt, đây là lỗi của bị hại, do đó bị hại phải có nghĩa vụ trả lại cho bị cáo số tiền này theo qui định tại Điều 275 Bộ luật Dân sự.

[11] Đối với hành vi của các đối tượng lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Ngô Kim X, cơ quan cảnh sát điều tra đang tiếp tục điều tra làm rõ nên chưa thể xử lý trong vụ án này.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định. Bị hại có nghĩa vụ trả cho bị cáo số tiền 41.100.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Đức T phạm tội “Giam người trái pháp luật”;

1. *Về trách nhiệm hình sự:* Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Đức T 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/3/2024.

2. *Về trách nhiệm dân sự:* Căn cứ Điều 275 Bộ luật Dân sự buộc bà Ngô Kim X có nghĩa vụ trả lại cho bị cáo Phạm Đức T 41.100.000 đồng (Bốn mươi một triệu, một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự.

3. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:* Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy 01 ô khóa màu vàng nhãn hiệu VIỆT - TIỆP đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Phạm Đức T căn cước công dân tên Phạm Đức T; 01 đầu thu camera nhãn hiệu KB VISION và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F5 màu đen, số imei 1: 867458037608496, số imei 2: 867458037608488.

(Theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 24/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Bình Dương).

4. *Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phạm Đức T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bà Ngô Kim X phải chịu 2.055.000 đồng (Hai triệu, không trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo; bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- PV06, Công an tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố U;
- Công an thành phố U;
- Chi cục THADS thành phố U;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Trí